

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN CV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/2025/CBTT-CVS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**
 - Mã thành viên: 123
 - Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại liên hệ: (84-28) 7303 8008 Fax: (84-28) 5414 1535
 - E-mail: online@cvs.vn
- Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/04/2025 tại đường dẫn <https://cvs.vn/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



Nguyễn Lê Thúy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307929497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/03/2009.
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25 tháng 03 năm 2009 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 05 năm 2024 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- Vốn điều lệ: 456.750.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 456.750.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*).
- Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Số điện thoại: (84-28) 7303 8008 Website: <https://www.cvs.vn>
- Mã cổ phiếu: Không có.
- Lịch sử phát triển:
 - 25/03/2009 Công ty được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng, theo giấy phép thành lập và hoạt động số 105/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/03/2009.
 - 21/04/2015 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 19/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/04/2015.

- 29/07/2017 Công ty chuyển trụ sở chính về Tầng 11, Trung tâm thương mại Daeha, 360 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 32/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/07/2017.
- 12/10/2017 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán CV theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 49/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/10/2017.
- 03/05/2018 Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng.
- 11/07/2018 Công ty bổ sung nghiệp vụ kinh doanh Môi giới chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/07/2018.
- 30/07/2018 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 18/GCN-UBCK ngày 30/07/2018 cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- 02/11/2018 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 158/GCNTVLK cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV, số hiệu thành viên là 109.
- 29/01/2019 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty trở thành Thành viên giao dịch và được kết nối giao dịch trực tuyến (theo các Quyết định số 70 và 71/QĐ-SGDHN ngày 29/01/2019).
- 04/03/2019 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty trở thành Thành viên giao dịch và được kết nối giao dịch trực tuyến (theo các Công văn số 381/SGDHCM-TV và 382/SGDHCM-HĐTV).
- 31/12/2020 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ra Quyết định số 196/QĐ-VSD ngày 31/12/2020 về việc thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- 26/03/2021 Công ty rút nghiệp vụ kinh doanh Môi giới chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/03/2021.
- 19/07/2021 Công ty chuyển trụ sở chính về Tầng 21, Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/07/2021.

- 29/08/2022 Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Quang Thuận, theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 81/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/08/2022.
- 09/12/2022 Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 90 tỷ đồng lên 157,5 tỷ đồng.
- 16/01/2023 Công ty chuyển trụ sở chính về Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 09/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/01/2023.
- 16/05/2023 Công ty bổ sung nghiệp vụ kinh doanh Môi giới chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2023.
- 17/05/2023 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 56/GCN-UBCK ngày 17/05/2023 cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- 05/07/2023 Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 168/GCNTVLK cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV, số hiệu thành viên là 123.
- 21/11/2023 Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ra Quyết định số 110/QĐ-SGDVN ngày 21/11/2023 về việc chấp thuận thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- 21/11/2023 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 759/QĐ-SGDHCM ngày 21/11/2023 về việc chấp thuận kết nối giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- 22/11/2023 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 1181/QĐ-SGDHN ngày 22/11/2023 về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được kết nối giao dịch trực tuyến, giao dịch từ xa thị trường chứng khoán niêm yết và thị trường chứng khoán đăng ký giao dịch với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 21/12/2023 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định số 1213/QĐ-UBCK ngày 21/12/2023 về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.

- 21/12/2023 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định số 1214/QĐ-UBCK ngày 21/12/2023 về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ.
- 02/02/2024 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định số 109/QĐ-UBCK ngày 02/02/2024 về việc chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.
- 10/05/2024 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV về việc thay đổi vốn điều lệ. Theo đó vốn điều lệ mới của công ty là 456,75 tỷ đồng
- 26/07/2024 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 114/GCN-UBCK cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.

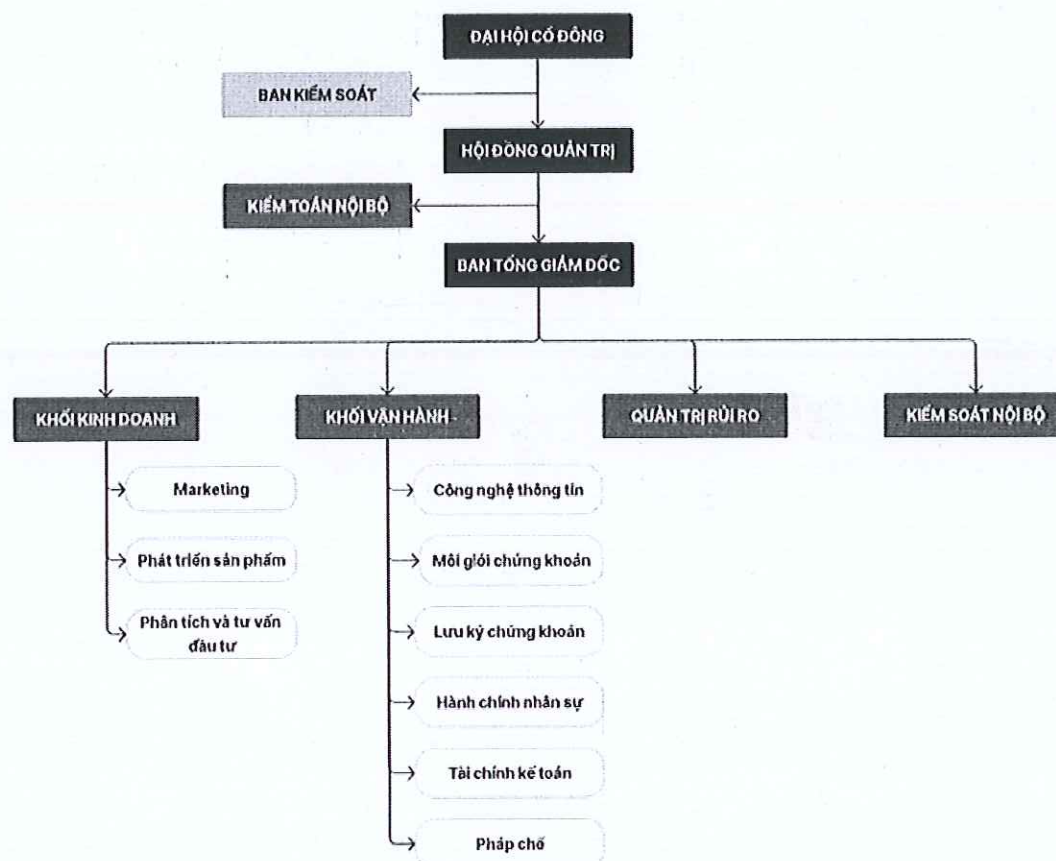
- Các sự kiện khác: Không có.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thực hiện các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Lưu ký Chứng khoán.
 - + Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cung cấp các dịch vụ sau: (i) Dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; (ii) Dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ; (iii) Dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến.
 - + Công ty được thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng.
 - + Công ty Cổ phần Chứng khoán CV là thành viên của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, được chấp thuận kết nối giao dịch trực tuyến, giao dịch từ xa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
- Địa bàn kinh doanh:
 - + Hiện nay Công ty chỉ có Trụ sở chính duy nhất tại Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa bàn kinh doanh của Công ty hiện tại hoàn toàn trong lãnh thổ Việt Nam.

3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần Chứng khoán CV hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trở thành “công ty chứng khoán số” dẫn đầu trên thị trường: Với lợi thế về công nghệ, Công ty xây dựng mục tiêu trở thành công ty chứng khoán số hóa hoàn toàn hàng đầu trên thị trường, tập trung cải thiện chất lượng để mang lại trải nghiệm mượt mà và tốt nhất cho khách hàng. Công ty hướng tới việc cung cấp một nền tảng đơn giản, thân thiện, dễ sử dụng, đảm bảo cho khách hàng có thể tận hưởng trải nghiệm đầu tư mượt mà và tiện dụng nhất.
- Tiếp cận tối đa các đối tượng khách hàng, đồng thời tập trung phục vụ tập khách hàng của Ví điện tử Momo: Công ty tập trung phát triển theo định hướng hướng tới thị trường ngách là tập khách hàng có đặc điểm là có tuổi đời trẻ, quy mô đầu tư chưa quá lớn nhưng lại là tệp khách hàng có số lượng rất lớn. Theo xu thế phát triển của thị trường thì những đối tượng khách hàng này sẽ có xu hướng ưa thích sử dụng công nghệ trong đầu tư chứng khoán, chắc chắn sẽ tạo nên những hiệu ứng lan tỏa và tích cực.

- Đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng: Công ty theo đuổi chiến lược thiết kế đa dạng các nhóm sản phẩm chuyên biệt, phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Cùng với đó, các công cụ và tiện ích giao dịch trực tuyến ngày càng được nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu cho tất cả các phân khúc khách hàng.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trở thành công ty chứng khoán dẫn đầu về số hóa trong hoạt động môi giới chứng khoán, tích hợp sâu rộng với hệ sinh thái tài chính trên các nền tảng khác, phục vụ số đông nhà đầu tư với giải pháp và trải nghiệm đầu tư đơn giản, thuận tiện, dễ dàng, tính bảo mật cao.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- **Văn hóa doanh nghiệp:** Công ty luôn chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng. Nét văn hóa riêng đó đến từ những điều nhỏ nhất, được con người CVS thể hiện qua công việc thường ngày, khi tương tác với khách hàng, đồng nghiệp và đối tác và được nuôi dưỡng lâu dài, bền bỉ và nhất quán.
- **Chính sách liên quan đến người lao động:** Bên cạnh xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng, đáp ứng các tiêu chuẩn cao, Công ty còn: (1) Thực hiện quy chế lương thưởng minh bạch và khoa học; (2) Đẩy mạnh công tác tuyển dụng, đào tạo, thu hút nhân tài; (3) Tổ chức các hoạt động khác nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

5. CÁC RỦI RO

5.1 Rủi ro kinh tế

- Công ty Cổ phần Chứng khoán CV hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, vốn là ngành nghề chịu tác động trực tiếp từ biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước. Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tăng trưởng và kế hoạch kinh doanh của CVS. Vì vậy, để đạt được hiệu quả hoạt động và kế hoạch kinh doanh đặt ra yêu cầu Công ty phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh.
- Rủi ro kinh tế mà CVS thường xuyên phải đối mặt được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là: i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) lãi suất. Đây là những nhân tố chính ảnh hưởng trực tiếp tới thị trường chứng khoán. Do đó Công ty phải thường xuyên phân tích các yếu tố nói trên để có thể dự phòng mức độ tác động của các yếu tố này đến chiến lược tăng trưởng và mô hình kinh doanh.

5.2 Rủi ro pháp lý

- Là một công ty chứng khoán, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do đó, rủi ro pháp lý có thể xảy ra khi Công ty không tuân thủ các quy định của pháp luật vì lý do chủ quan hoặc khách quan, có thể bị các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các chế tài xử lý hoặc bị khách hàng khiếu kiện gây tổn thất cho Công ty.



- Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, do đó sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

5.3 Rủi ro hệ thống

- Rủi ro hệ thống là một trong những rủi ro trọng yếu của bất kỳ công ty chứng khoán nào. Rủi ro này có thể đến trực tiếp từ hệ thống nội bộ của Công ty hoặc rủi ro từ bên thứ ba cung cấp các đường truyền giữa Công ty với các Sở giao dịch chứng khoán và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Rủi ro này sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng quy định, quy trình nội bộ; thường xuyên kiểm tra và rà soát hệ thống... nhằm đảm bảo tính ổn định, tính thông suốt và tính bảo mật của hệ thống. Công ty cũng đầu tư xây dựng site backup để đảm bảo tính ổn định và liên tục của hệ thống ở mức cao nhất.

5.4 Rủi ro tuân thủ

- Kiểm soát các rủi ro về mặt tuân thủ là hoạt động luôn được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đặc biệt quan tâm, cũng như đưa ra nhiều chính sách phòng ngừa, hạn chế.
- Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ cũng là nguy cơ gây ra các rủi ro tuân thủ mới mà Công ty có thể đối mặt. Trong môi trường làm việc trực tuyến mới, việc đảm bảo sự tuân thủ của nhân viên Công ty đối với các quy định của pháp luật, các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp càng được chú trọng và có những định hướng, cách thức kiểm soát phù hợp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	TH 2024/TH 2023
Doanh thu hoạt động	4.000	11.896	297,4%
Chi phí hoạt động	280	24.485	8738,8%
Doanh thu tài chính	8	76	994,8%
Chi phí tài chính	-	-	
Chi phí bán hàng	-	-	
Chi phí quản lý CTCK	16.532	14.974	90,6%
Kết quả hoạt động	(12.805)	(27.488)	214,7%
Kết quả hoạt động khác	(257)	(0)	0,1%
Lợi nhuận trước thuế	(13.062)	(27.488)	210,4%

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	TH 2024/TH 2023
Lợi nhuận sau thuế	(13.062)	(27.488)	210,4%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023-2024

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH.2024	TH.2024
1	Tổng doanh thu	25.895	11.990
2	Lợi nhuận trước thuế	(43.645)	(27.488)
3	Lợi nhuận sau thuế	(43.645)	(27.488)

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024,
Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023-2024

Năm 2024, Công ty đạt tổng doanh thu gần 12 tỷ đồng so với kế hoạch doanh thu đã được thông qua năm 2024 là 25,9 tỷ đồng và tổng doanh thu năm 2023 là 4 tỷ đồng.

Do chi phí hoạt động trong năm 2024 tăng mạnh lên 24,5 tỷ đồng (chủ yếu là chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán) nên lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty là âm 27,5 tỷ đồng, so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế đã được thông qua năm 2024 là âm 43,6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế năm 2023 là âm 13 tỷ đồng.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1 Danh sách Ban điều hành

a) Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LÝ LỊCH		SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ	
			NGÀY SINH	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1	Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch	10/07/1977	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	0	0,00%
2	Võ Trần Duy	Thành viên	20/10/1983	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	0	0,00%
3	Đoàn Tử Tích Phước	Thành viên	28/09/1978	Thạc sĩ Luật	0	0,00%

b) Ban Kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LÝ LỊCH		SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ	
			NGÀY SINH	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1	Nguyễn Thị Hạnh Đoan	Trưởng ban	14/10/1989	Cử nhân Kế toán	0	0,00%

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LÝ LỊCH		SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ	
			NGÀY SINH	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
2	Lê Trường Hoài Giang	Kiểm soát viên	16/10/1984	Cử nhân Kế toán	0	0,00%
3	Trương Viết Tuấn	Kiểm soát viên	20/12/1991	Cử nhân Quản trị tài chính	0	0,00%

c) Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LÝ LỊCH		SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ	
			NGÀY SINH	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1	Nguyễn Tấn Huy	Tổng Giám đốc	23/10/1988	Thạc sỹ Tài chính	0	0,00%
2	Nguyễn Lê Thúy	Phó Tổng Giám đốc	28/06/1982	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng	0	0,00%
3	Trần Thị Thúy Lan	Kế toán trưởng	20/05/1985	Cử nhân Kế toán	0	0,00%

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành

Công ty đã thực hiện miễn nhiệm và bổ nhiệm các nhân sự như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch Hội đồng quản trị	18/04/2023	
2	Võ Trần Duy	Thành viên Hội đồng quản trị	18/04/2023	
3	Đoàn Tử Tích Phước	Thành viên Hội đồng quản trị	18/04/2023	
II	BAN KIỂM SOÁT			
1	Nguyễn Thị Hạnh Đoàn	Trưởng Ban kiểm soát	18/04/2023	
2	Lê Trường Hoài Giang	Kiểm soát viên	18/04/2023	
3	Trương Viết Tuấn	Kiểm soát viên	22/04/2024	
4	Trần Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	18/04/2023	22/04/2024
III	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
1	Nguyễn Tấn Huy	Tổng Giám đốc	19/05/2023	
2	Nguyễn Lê Thúy	Phó Tổng Giám đốc	19/05/2023	

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỎ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
IV	PHÒNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ			
1	Trần Nhật Quang	Trưởng phòng	19/06/2023	15/01/2024
2	Phạm Diễm My	Trưởng phòng	15/01/2024	

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2024: 26 người.
- Công ty áp dụng một số chính sách đối với người lao động như sau:

+ Chính sách đào tạo:

Đào tạo nhân sự mới: Để hỗ trợ nhân viên mới nhanh chóng làm quen, hòa nhập với môi trường làm việc cũng như công việc, bộ phận nhân sự và các bộ phận chuyên môn liên quan sẽ thực hiện đào tạo ban đầu giúp nhân viên mới hiểu về nội quy, chính sách, cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như các nghiệp vụ chuyên môn liên quan.

Đào tạo nghiệp vụ: Trong quá trình làm việc, các quản lý sẽ trực tiếp đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên mới và tổ chức các buổi cập nhật nghiệp vụ định kỳ cho toàn bộ nhân viên.

- + Chính sách tiền lương: Công ty thực hiện dựa trên mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước, sẽ được thay đổi khi các quy định của pháp luật về mức lương tối thiểu thay đổi và dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét điều chỉnh lương định kỳ hàng năm dựa vào kết quả đánh giá lại năng lực theo KPIs trong năm đối với mỗi cá nhân người lao động.
- + Chính sách thưởng: Dựa vào hệ thống đánh giá KPIs, Công ty thực hiện các mức thưởng cho người lao động. Cụ thể, hàng năm, công ty sẽ có các kỳ đánh giá kết quả làm việc của toàn thể cán bộ nhân viên dựa vào KPIs đã được đề ra từ đầu năm. Ngoài ra, Công ty cũng dự kiến sẽ thực hiện thưởng đột xuất khi cán bộ nhân viên có thành tích xuất sắc.
- + Chính sách phúc lợi: Công ty phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở để xây dựng và ban hành các chính sách phúc lợi áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Định kỳ hàng năm, Công ty sẽ xem xét điều chỉnh, bổ sung để xây dựng chế độ phúc lợi tốt nhất cho cán bộ nhân viên, xây dựng môi trường làm việc lý tưởng, duy trì đời sống sức khỏe, tinh thần cho nhân viên, góp phần tạo động lực, khích lệ cán bộ nhân viên đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của Công ty. Các chính sách lớn có thể kể đến là:

Chính sách chăm sóc sức khỏe: Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Nhà nước như BHXH, BHYT, BHTN, Công ty mua bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên và gia đình.

Các hoạt động phong trào, du lịch nghỉ dưỡng: Hàng năm, Công ty sẽ tổ chức các hoạt động team building cho CBNV, tạo điều kiện để tất cả CBNV có cơ hội rèn luyện thể chất, tinh thần để làm việc tốt hơn. Đây cũng là dịp để mọi người trong Công ty có thể gặp mặt, trao đổi, tăng sự gắn kết giữa các phòng ban trong Công ty.

Chính sách khác: Công ty còn có những chế độ khác như trợ cấp thăm hỏi khi ốm đau, gia đình có tang; gia đình gặp khó khăn đặc biệt, nữ sinh con hoặc chồng có vợ sinh con.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.1 Các khoản đầu tư lớn

Không có.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	2023	2024	% TĂNG/GIẢM
1	Tổng giá trị tài sản	68.556	339.832	395,7%
2	Doanh thu hoạt động	4.000	11.896	297,4%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(13.062)	(27.488)	110,4%
4	Lợi nhuận khác	(257)	(0)	-99,9%
5	Lợi nhuận trước thuế	(13.062)	(27.488)	110,4%
6	Lợi nhuận sau thuế	(13.062)	(27.488)	110,4%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023-2024

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	GHI CHÚ
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	7,8	67,2	
Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	7,8	67,2	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	7,5%	1,4%	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	8,1%	1,4%	

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	GHI CHÚ
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	0,1	0,1	
Vòng quay vốn lưu động <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	0,1	0,1	
Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	-	-	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	-326,5%	-231,1%	
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	-17,9%	-13,5%	
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	-18,7%	-13,8%	
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	(829)	(602)	

C.1
TỶ
LỆ
LỢI
NHUẬN
HOÀN
CỔ
CHÍNH

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 Cổ phần

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2023	31/12/2024	GHI CHÚ
1	Tổng số cổ phần phát hành: - <i>Cổ phần phổ thông</i> - <i>Cổ phần ưu đãi</i>	15.750.000 15.750.000 -	45.675.000 45.675.000 -	
2	Số lượng cổ phần đang lưu hành	15.750.000	45.675.000	
3	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	15.750.000	45.675.000	
4	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	-	-	

5.2 Cơ cấu cổ đông

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	GIÁ TRỊ (nghìn đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Cổ đông trong nước - <i>Cá nhân</i> - <i>Tổ chức</i>	23.294.250 23.294.250 -	03 03 -	232.942.500 232.942.500 -	51,0% 51,0% -
2	Cổ đông nước ngoài - <i>Cá nhân</i> - <i>Tổ chức</i>	22.380.750 - 22.380.750	01 - 01	223.807.500 - 223.807.500	49,0% - 49,0%

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	GIÁ TRỊ (nghìn đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU
	<i>Trong đó: Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>	22.380.750	01	223.807.500	49,0%
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
A	TỔNG CỘNG	45.675.000	04	456.750.000	100,0%
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5%)	45.675.000	04	456.750.000	100,0%
2	Cổ đông nhỏ	-	-	-	-
B	TỔNG CỘNG	45.675.000	04	456.750.000	100,0%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ quan xét duyệt
25/03/2009	35 tỷ đồng		Thành lập doanh nghiệp	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307929497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/03/2009; - Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009
03/05/2018	90 tỷ đồng	Tăng 40 tỷ đồng	Cháo bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 34/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/05/2018
09/12/2022	157,5 tỷ đồng	Tăng 67,5 tỷ đồng	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 ngày 15/09/2022. - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 03/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 12/01/2023.
12/04/2024	456,75 tỷ đồng	Tăng 299,25 tỷ đồng	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 ngày 22/01/2024. - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/05/2024.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Công ty không thực hiện bất kỳ giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2024.
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2024: Không có.

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán nên không thực hiện các hoạt động sản xuất tác động đến môi trường.

6.1. Tác động lên môi trường

- a) Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không áp dụng.
- b) Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không áp dụng.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không áp dụng.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không áp dụng.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không áp dụng.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có.

6.4. Tiêu thụ nước

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: không đáng kể.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không áp dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**
 - Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2024: 26 người.
 - Mức lương trung bình đối với người lao động là: 35,7 triệu đồng/người/tháng.
- b) **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**
 - Sức khỏe của các cán bộ, nhân viên luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Ngoài bảo hiểm y tế bắt buộc của Nhà nước, các thành viên Công ty và người thân được bảo vệ

bằng chương trình bảo hiểm sức khỏe bổ sung, có bảo hiểm cho các rủi ro liên quan đến tai nạn và bệnh tật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:
 - + Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí thông qua các khóa đào tạo theo Chương trình Đào tạo của Công ty, bao gồm các khóa đào tạo bắt buộc theo yêu cầu của UBCKNN, các khóa huấn luyện về kỹ năng chuyên môn chuyên biệt, các chương trình đào tạo phát triển kỹ năng quản trị mang tính ứng dụng cao giúp nhân viên vững vàng về chuyên môn, am hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng quản trị, phát triển tầm nhìn dài hạn để có những tiến bộ, thành tựu trong nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với tổ chức.
 - + Các hoạt động đào tạo nội bộ cũng thường xuyên được duy trì, đảm bảo cập nhật kiến thức thường xuyên cho nhân viên.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: không áp dụng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. Không áp dụng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công ty kết thúc năm 2024 với các số liệu tài chính như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	2023	2024
1	Tổng doanh thu	4.009	11.990
2	Chi phí hoạt động	(13.062)	(27.488)
3	Lợi nhuận trước thuế	(13.062)	(27.488)

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023-2024

Năm 2024, Công ty đạt tổng doanh thu gần 12 tỷ đồng so với kế hoạch doanh thu đã được thông qua năm 2024 là 25,9 tỷ đồng và tổng doanh thu năm 2023 là 4 tỷ đồng.

Do chi phí hoạt động trong năm 2024 tăng mạnh lên 24,5 tỷ đồng (chủ yếu là chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán) nên lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty là âm 27,5 tỷ đồng, so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế đã được thông qua năm 2024 là âm 43,6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế năm 2023 là âm 13 tỷ đồng.

Do công ty vẫn đang trong giai đoạn đầu của quá trình xây dựng và mở rộng tệp khách hàng tiềm năng cũng như phát triển các sản phẩm mới, nên kết quả kinh doanh năm 2024 chưa khả quan và phản ánh đúng đặc điểm của giai đoạn phát triển hiện tại của Công ty.

Công ty sẽ đẩy mạnh cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới nhóm khách hàng mục tiêu trong năm 2025, nỗ lực không ngừng trong việc đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, đầu tư và đảm bảo chất lượng hạ tầng công nghệ, đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng.

Những kết quả công ty đã đạt được:

Trong năm 2024, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định số 109/QĐ-UBCK ngày 02/02/2024 về việc chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 114/GCN-UBCK trong năm 2024 và hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 456,75 tỷ đồng trong năm 2024, kịp thời bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động Môi giới chứng khoán và dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán và dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để giao dịch ký quỹ.

Số lượng tài khoản mở mới trong năm 2024 của Công ty chiếm một tỷ lệ đáng kể so với số lượng tài khoản mở mới trên toàn thị trường.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1 Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

TÌNH HÌNH TÀI SẢN	2023	2024	% TĂNG/GIẢM
Tài sản ngắn hạn	40.190	312.910	678,6%
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.547	51.002	434,2%
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000	254.000	746,7%
Các khoản phải thu	11	3.474	31582,1%
Các khoản cho vay	-	2.628	0,0%
Trả trước cho người bán	1	-	-100,0%
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	0	11	38780,6%
Tài sản ngắn hạn khác	631	1.795	184,7%
Tài sản dài hạn	28.366	26.921	-5,1%
Tài sản cố định hữu hình	16.793	16.816	0,1%
Tài sản cố định vô hình	10.032	8.697	-13,3%
Tài sản dài hạn khác	1.541	1.408	-8,6%
TỔNG TÀI SẢN	68.556	339.832	395,7%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023-2024

Kết thúc năm 2024, Tổng tài sản của Công ty tăng mạnh 395,7% so với cuối năm 2023, từ 68,6 tỷ đồng lên hơn 339,8 tỷ đồng. Nguồn vốn bổ sung từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đưa Tài sản ngắn hạn tăng 678,6%, đạt 312,9 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024, trong đó khoản mục “Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” chiếm tỷ trọng lớn nhất là 254 tỷ đồng.

Công ty đã hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán. Theo đó, Tài sản dài hạn giảm 5,1%, đạt 26,9 tỷ đồng, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình.

2.2 Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ	2023	2024	% TĂNG/GIẢM
Nợ ngắn hạn	5.146	4.660	-9,4%
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	0	45	21.601,9%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.644	722	-72,7%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	131	444	237,7%
Phải trả người lao động	339	478	40,8%
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	145	-	-100,0%
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.881	2.967	57,8%
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6	3	-48,8%
Nợ dài hạn	-	-	0,0%
NỢ PHẢI TRẢ	5.146	4.660	-9,4%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023-2024

Tại ngày 31/12/2024, Nợ phải trả của Công ty giảm từ 5,1 tỷ đồng xuống còn 4,7 tỷ đồng. Công ty không có Nợ dài hạn.

Công ty không có bất kỳ các khoản phải trả quá hạn. Công ty thực hiện tốt việc thanh toán các khoản Thuế/Phí theo luật định.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Công ty đã ban hành đầy đủ các chính sách, quy trình nghiệp vụ, quy chế quản trị nội bộ để đảm bảo việc vận hành hoạt động kinh doanh tuân thủ đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Công ty vẫn đang trong quá trình tuyển dụng thêm các nhân sự có trình độ phù hợp với định hướng phát triển và kinh doanh của Công ty.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Trở thành “công ty chứng khoán số” dẫn đầu trên thị trường: Với lợi thế về công nghệ, Công ty xây dựng mục tiêu trở thành công ty chứng khoán số hóa hoàn toàn

hàng đầu trên thị trường, tập trung cải thiện chất lượng để mang lại trải nghiệm mượt mà và tốt nhất cho khách hàng. Công ty hướng tới việc cung cấp một nền tảng đơn giản, thân thiện, dễ sử dụng, đảm bảo cho khách hàng có thể tận hưởng trải nghiệm đầu tư mượt mà và tiện dụng.

- *Tiếp cận tối đa các đối tượng khách hàng, đồng thời tập trung phục vụ tập khách hàng của Ví điện tử Momo:* Công ty tập trung phát triển theo định hướng hướng tới thị trường ngách là tập khách hàng có đặc điểm là có tuổi đời trẻ, quy mô đầu tư chưa quá lớn nhưng lại là tệp khách hàng có số lượng rất lớn. Theo xu thế phát triển của thị trường thì những đối tượng khách hàng này sẽ có xu hướng ưa thích sử dụng công nghệ trong đầu tư chứng khoán, chắc chắn sẽ tạo nên những hiệu ứng lan tỏa và tích cực.
- *Đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng:* Công ty theo đuổi chiến lược thiết kế đa dạng các nhóm sản phẩm chuyên biệt, phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Cùng với đó, các công cụ và tiện ích giao dịch trực tuyến ngày càng được nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu cho tất cả các phân khúc khách hàng.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN (NẾU CÓ)

Không có.

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Không áp dụng.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty sẽ đảm bảo mức lương cạnh tranh trên thị trường và so với các công ty chứng khoán khác nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động, Ngoài ra, người lao động sẽ được đánh giá hiệu quả công việc theo KPI và nhận thưởng theo kết quả công việc và hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty dự kiến xây dựng chế độ khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có những đóng góp tích cực cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn cam kết làm tròn nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, đóng góp vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Chúng tôi luôn sẵn sàng tạo cơ hội và hỗ trợ cho các bạn sinh viên thực tập sinh được đào tạo thông qua làm việc và trải nghiệm môi trường làm việc thực tế, sẵn sàng cho hành trình khởi nghiệp của các bạn sau khi kết thúc học tập.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

a. Về việc triển khai nhiệm vụ kinh doanh

Do công ty vẫn đang trong giai đoạn đầu của quá trình xây dựng và mở rộng tệp khách hàng tiềm năng cũng như phát triển các sản phẩm mới, nên kết quả kinh doanh năm 2024 chưa khả quan và phản ánh đúng đặc điểm của giai đoạn phát triển hiện tại của Công ty. Tuy công ty chưa hoàn thành kế hoạch doanh thu đặt ra nhưng đã đảm bảo được kế hoạch lợi nhuận năm 2024.

Tiếp nối công tác hoàn thiện các thủ tục đăng ký nghiệp vụ kinh doanh và các dịch vụ theo quy định, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định số 109/QĐ-UBCK ngày 02/02/2024 về việc chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 114/GCN-UBCK và hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 456,75 tỷ đồng trong năm 2024.

b. Về việc triển khai các nhiệm vụ khác

Không có.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị đã giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị dựa trên các hoạt động sau:

- Ban Tổng giám đốc thực hiện báo cáo định kỳ cho Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty. Công tác giám sát còn được Hội đồng quản trị triển khai thông qua việc chỉ đạo Công ty rà soát lại các quy trình, quy chế để củng cố bộ máy tổ chức, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật, minh bạch và quản trị rủi ro trong quá trình hoạt động.
- Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.
- Công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa và kiểm soát rủi ro. Đạo đức kinh doanh, văn hóa Công ty được chú trọng và bồi đắp thông qua việc xây dựng quy chế, tổ chức những hoạt động đào tạo, gắn kết đội ngũ.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Nâng cao năng lực tài chính, nhân lực, công nghệ... để đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, tiếp tục thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước, cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng.
- Phát huy lợi thế về công nghệ, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, cung cấp thêm cho khách hàng các sản phẩm đa dạng và linh hoạt, hỗ trợ tối ưu hóa nguồn vốn kinh doanh, bảo đảm an toàn vốn trong hoạt động cho vay ký quỹ.
- Nâng cao chất lượng nhân sự công nghệ thông tin, đảm bảo tối đa tính an toàn và bảo mật của hệ thống trong bất kỳ tình huống nào. Phát triển đội ngũ đi đôi với việc tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu biết sử dụng và ứng dụng tối đa AI trong công việc.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC DANH QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY	CHỨC DANH QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY KHÁC	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ	
					SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1	Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT (TV.HĐQT không điều hành)	Không có	Phó Tổng Giám đốc thường trực - Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	0	0,00%
2	Võ Trần Duy	TV.HĐQT không điều hành	Không có	Không có	0	0,00%
3	Đoàn Tử Tích Phước	TV.HĐQT không điều hành	Không có	Không có	0	0,00%

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã ban hành 14 (mười bốn) Nghị quyết, bao gồm:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01A/2024/NQ-HĐQT	15/01/2024	Miễn nhiệm chức danh Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ đối với ông Trần Nhật Quang. Bổ nhiệm chức danh Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ đối với bà Phạm Diễm My.	100%
2	01/2024/NQ-HĐQT	22/01/2024	Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	100%
3	02/2024/NQ-HĐQT	22/01/2024	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	100%
4	03/2024/NQ-HĐQT	27/02/2024	Thông qua việc đảm bảo đây là đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu đối với trường hợp công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng.	100%
5	04/2024/NQ-HĐQT	27/02/2024	Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	100%
6	05/2024/NQ-HĐQT	27/02/2024	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	06/2024/NQ-HĐQT	28/02/2024	Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	100%
8	07/2024/NQ-HĐQT	26/03/2024	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu; thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu; thời gian đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu.	100%
9	08/2024/NQ-HĐQT	12/04/2024	Thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.	100%
10	09/2024/NQ-HĐQT	21/06/2024	Thông qua giao dịch với bên liên quan của công ty là Công ty Cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến	100%
11	10/2024/NQ-HĐQT	27/06/2024	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính cho năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV.	100%
12	11/2024/NQ-HĐQT	26/07/2024	Thông qua giao dịch với bên liên quan của công ty là Công ty Cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến.	100%
13	12/2024/NQ-HĐQT	09/12/2024	Thông qua chủ trương mở rộng mặt bằng hoạt động của Công ty.	100%
14	13/2024/NQ-HĐQT	27/12/2024	Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 01 năm 2025.	100%

05 -
NG
PH
IG KI
CV
P H

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có.

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẤM GIỮ	
			SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1	Nguyễn Thị Hạnh Đoan	Trưởng Ban	0	0,00%
2	Lê Trường Hoài Giang	Kiểm soát viên	0	0,00%
3	Trương Viết Tuấn	Kiểm soát viên	0	0,00%

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã ban hành 02 (hai) Nghị quyết, bao gồm:

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-BKS	06/03/2024	Thẩm tra dự thảo Báo cáo tài chính năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	100%
2	02/2024/NQ- BKS	12/08/2024	Thẩm tra dự thảo Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH KPMG	100%

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Vui lòng xem chi tiết trong Báo cáo tài chính niên độ 2024 đã được kiểm toán (đính kèm theo báo cáo này).

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số ĐKDN	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến	Tổ chức liên quan đến Chủ tịch HĐQT	0305289153	Cung cấp dịch vụ phần mềm	14.358.115.863
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến	Tổ chức liên quan đến Chủ tịch HĐQT	0305289153	Thanh lý tài sản	58.563.677
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến	Tổ chức liên quan đến Chủ tịch HĐQT	0305289153	Dịch vụ hợp tác	401.358.433
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ di động trực tuyến	Tổ chức liên quan đến Chủ tịch HĐQT	0305289153	Nhận góp vốn	146.632.500.000

3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng/ban và cán bộ nhân viên đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG - Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV như sau: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính niên độ 2024 đã được kiểm toán được đính kèm theo báo cáo này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TUO CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tấn Huy



Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024**



Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

105/UBCK-GP

ngày 25 tháng 03 năm 2009

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 05 năm 2024. Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Kinh doanh/Doanh nghiệp số 0307929497

ngày 25 tháng 03 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0307929497 ngày 29 tháng 05 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Quang Thuận
Ông Võ Trần Duy
Ông Đoàn Từ Tích Phước

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hạnh Đoàn
Ông Lê Trường Hoài Giang
Ông Trương Viết Tuấn

Bà Trần Thị Thu Hương

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 22 tháng 04 năm 2024)
Thành viên
(đến ngày 22 tháng 04 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tấn Huy
Bà Nguyễn Lê Thúy

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 2, Tòa nhà IMV
87 Hoàng Văn Thái
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 05 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210 và Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 03 năm 2025, được trình bày từ trang 05 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

==
T
IA
CH
V
H
=

01-01-2025
NH
INH
G
CHIT M



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 08 tháng 03 năm 2024.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00600-25-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		312.910.431.744	40.189.646.015
Tài sản tài chính (“TSTC”)	110		311.115.245.050	39.559.098.216
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	51.002.124.166	9.547.355.043
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>4.002.124.166</i>	<i>4.047.355.043</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>47.000.000.000</i>	<i>5.500.000.000</i>
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7(a)	254.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản cho vay	114	7(b)	2.628.179.217	-
Các khoản phải thu	117	8	3.473.747.944	10.964.383
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC</i>	<i>117.2</i>		<i>3.473.747.944</i>	<i>10.964.383</i>
<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>117.4</i>		<i>3.473.747.944</i>	<i>10.964.383</i>
Trả trước cho người bán	118		-	750.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	11.193.723	28.790
Tài sản ngắn hạn khác	130		1.795.186.694	630.547.799
Tạm ứng	131		600.000.000	224.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	9(a)	1.195.186.694	406.547.799
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		26.921.277.713	28.366.177.921
Tài sản cố định	220		25.513.307.886	26.825.274.141
Tài sản cố định hữu hình	221	10	16.816.201.273	16.793.242.128
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>22.948.029.700</i>	<i>20.217.853.700</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(6.131.828.427)</i>	<i>(3.424.611.572)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	11	8.697.106.613	10.032.032.013
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>12.949.312.000</i>	<i>12.949.312.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229a</i>		<i>(4.252.205.387)</i>	<i>(2.917.279.987)</i>
Tài sản dài hạn khác	250		1.407.969.827	1.540.903.780
Ký quỹ, ký cược dài hạn	251	12	258.446.000	226.446.000
Chi phí trả trước dài hạn	252	9(b)	1.029.443.665	1.314.457.780
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	13	120.080.162	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		339.831.709.457	68.555.823.936

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B01 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		4.659.529.334	5.145.736.500
Nợ phải trả ngắn hạn	310		4.659.529.334	5.145.736.500
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		45.401.928	209.207
Phải trả người bán ngắn hạn	320	14	721.998.000	2.643.775.838
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	15	444.029.853	131.483.086
Phải trả người lao động	323		477.879.895	339.331.769
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	144.611.900
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	16	2.967.319.658	1.880.658.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	329		2.900.000	5.666.700
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		335.172.180.123	63.410.087.436
Vốn chủ sở hữu	410		335.172.180.123	63.410.087.436
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	456.750.000.000	157.500.000.000
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411.1</i>		<i>456.750.000.000</i>	<i>157.500.000.000</i>
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>456.750.000.000</i>	<i>157.500.000.000</i>
Lỗi lũy kế	417		(121.577.819.877)	(94.089.912.564)
<i>Lỗi sau thuế đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>(121.577.819.877)</i>	<i>(94.089.912.564)</i>
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		339.831.709.457	68.555.823.936

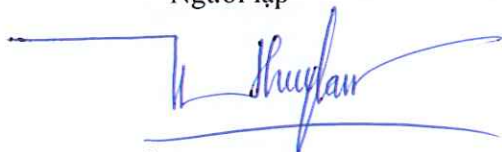
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B01 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (“CTCK”) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Nợ khó đòi đã xử lý	004	18(a)	900.000.000	900.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006	17	45.675.000	15.750.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Nhà đầu tư		18(b)	71.507.130.000	92.720.000
<i>TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		69.010.450.000	86.610.000
<i>TSTC chờ thanh toán</i>	021.5		2.496.680.000	6.110.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		636.030.000	-
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1		130.760.000	-
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2		505.270.000	-
Tiền gửi của khách hàng	026	18(c)	13.343.643.568	98.953.710
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027		6.026.053.878	88.027.960
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		7.317.589.690	9.925.750
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		-	1.000.000
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1		-	1.000.000
Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031	18(d)	6.026.053.878	88.027.960
<i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	031.1		6.026.053.878	88.027.960

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập

Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****Mẫu B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	19	10.692.166.360	3.999.545.203
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		364.452.171	-
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		830.903.403	826.493
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		8.384.783	2.128
Thu nhập hoạt động khác	11		93.291	-
Cộng doanh thu hoạt động	20		11.896.000.008	4.000.373.824
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	20	24.471.225.899	280.181.669
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		14.006.867	6.764
Cộng chi phí hoạt động	40		24.485.232.766	280.188.433
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42	21	76.021.561	7.641.576
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		76.021.561	7.641.576
CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN				
	62	22	14.974.453.935	16.532.489.424
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 62)	70		(27.487.665.132)	(12.804.662.457)

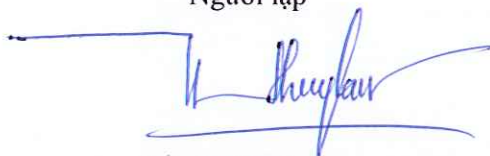
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71		18.097.385	1.000.000
Chi phí khác	72		18.339.566	257.991.009
Kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		(242.181)	(256.991.009)
TỔNG LỖ KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ				
(90 = 70 + 80)	90		(27.487.907.313)	(13.061.653.466)
Lỗ đã thực hiện	91		(27.487.907.313)	(13.061.653.466)
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	23	-	-
LỖ KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		(27.487.907.313)	(13.061.653.466)
THU NHẬP THUẦN TRÊN CỎ PHIẾU PHỔ THÔNG				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	500 501	24	(736)	(829)

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập

Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B03b – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế TNDN	01	(27.487.907.313)	(13.061.653.466)
Điều chỉnh cho các khoản	02	4.042.142.255	3.004.693.777
Khấu hao tài sản cố định	03	4.042.142.255	3.012.335.353
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	-	(7.641.576)
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động	30	(230.869.289.819)	22.613.359.578
(Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	(224.000.000.000)	14.500.000.000
Tăng các khoản cho vay	33	(2.628.179.217)	-
(Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	(3.462.783.561)	34.384.932
Tăng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	(11.164.933)	(28.790)
(Tăng)/giảm các tài sản khác	40	(495.330.162)	6.666.531.235
Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	1.086.661.658	1.739.658.000
Tăng chi phí trả trước	42	(503.624.780)	(540.539.261)
Giảm phải trả người bán	45	(1.171.777.838)	(557.391.274)
(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	(144.611.900)	130.652.900
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)	47	312.546.767	110.129.960
Tăng phải trả người lao động	48	138.548.126	337.021.769
Tăng phải trả, phải nộp khác	50	42.426.021	2.975.907
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	-	189.964.200
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(32.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(254.315.054.877)	12.556.399.889

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B03b – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	61	(3.480.176.000)	(25.441.583.800)
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	-	7.641.576
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(3.480.176.000)	(25.433.942.224)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	299.250.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	299.250.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90	41.454.769.123	(12.877.542.335)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	9.547.355.043	22.424.897.378
▪ Tiền	101.1	4.047.355.043	3.424.897.378
▪ Các khoản tương đương tiền	101.2	5.500.000.000	19.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	51.002.124.166	9.547.355.043
▪ Tiền	103.1	4.002.124.166	4.047.355.043
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	47.000.000.000	5.500.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B03b – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	Mã số	2024 VND	2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	346.777.398.550	324.294.100
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(479.830.699.480)	(488.206.480)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	147.856.944.027	264.004.100
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(1.551.664.453)	(1.136.806)
Tiền chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(7.288.786)	(1.204)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	13.244.689.858	98.953.710
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
	30	98.953.710	-
<i>Tiền gửi ngân hàng đầu năm:</i>	<i>31</i>	<i>98.953.710</i>	<i>-</i>
▪ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32	88.027.960	-
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	9.925.750	-
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	1.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	13.343.643.568	98.953.710
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:			
	<i>41</i>	<i>13.343.643.568</i>	<i>98.953.710</i>
▪ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	6.026.053.878	88.027.960
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	7.317.589.690	9.925.750
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	-	1.000.000

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập

**Trần Thị Thúy Lan**
Kế toán trưởng

Người duyệt

**Nguyễn Tấn Huy**
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (“Công ty”) (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 105/UBCK-GP ngày 25 tháng 03 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 05 năm 2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 0307929497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 03 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ năm số 0307929497 ngày 29 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 01 tháng 01 năm 2024, Công ty không có chi nhánh.

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất vào ngày 22 tháng 04 năm 2024.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 456.750.000.000 VND (01/01/2024: 157.500.000.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 26 nhân viên (01/01/2024: 15 nhân viên).

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (“TSTC”) được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

Tài sản tài chính

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 03(e);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 03(d) và Thuyết minh 03(f).

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện việc cấn trừ trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán khoản nợ.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền gửi của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng.

Các khoản cho vay ký quỹ và khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị cho các khoản cho vay ký quỹ và khoản ứng trước tiền bán chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị cho các khoản cho vay ký quỹ và khoản ứng trước tiền bán chứng khoán được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản vay và khoản ứng trước tiền bán chứng khoán với giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay và khoản ứng trước tiền bán chứng khoán được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

(e) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc hoặc giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Dự phòng giảm giá trị TSTC cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc khi có bằng chứng chắc chắn là Công ty khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi Công ty thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng dựa vào thời gian quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định (“TSCĐ”) hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 05 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 05 – 10 năm

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

Chương trình, phần mềm

Giá mua của chương trình, phần mềm mới mà chương trình, phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 đến 08 năm.

(i) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận ban đầu theo giá gốc dưới hình thức chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian mà số tiền được trả trước hoặc khoảng thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 03 năm.

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá).

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Doanh thu

(i) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập, mà chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được chia.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp, dựa trên tỷ lệ phần trăm dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Công ty, với tư cách là bên đi thuê, đã không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được phân loại là tài sản thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm, nếu có) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm và, do đó, không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty không lập báo cáo bộ phận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vì Công ty chỉ có hoạt động môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(s) Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền ký quỹ, ký cược là một phần tài sản của Công ty.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

(u) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm theo dõi quy trình quản trị rủi ro và kiểm soát hoạt động để đảm nhận diện, xử lý và kiểm soát rủi ro.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản cho vay, các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản phải thu của Công ty.

Tài sản bảo đảm

Giá trị và loại tài sản bảo đảm yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản bảo đảm và đánh giá tài sản bảo đảm. Các loại tài sản bảo đảm thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản bảo đảm, yêu cầu cung cấp thêm tài sản bảo đảm theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản bảo đảm thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)****Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền:		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	3.999.028.605	4.041.713.817
Các khoản tương đương tiền (i)	47.000.000.000	5.500.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	254.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản cho vay (ii)	2.628.179.217	-
Các khoản phải thu khác:		
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC (ii)	3.473.747.944	10.964.383
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (ii)	11.193.723	28.790
Trả trước cho người bán (ii)	-	750.000
Tạm ứng (ii)	600.000.000	224.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	258.446.000	226.446.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán (ii)	120.080.162	-
	312.090.675.651	40.003.902.990

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có bậc tín nhiệm cao. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu về cho vay và tài sản khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Để đối phó với những rủi ro này, Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay, các khoản phải thu và các tài sản khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến các khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024, Công ty không có các khoản cho vay và phải thu nào đã quá hạn nhưng không suy giảm giá trị.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và khoản thanh toán tiền lãi ước tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	45.401.928	45.401.928	45.401.928
Phải trả người bán ngắn hạn	721.998.000	721.998.000	721.998.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.967.319.658	2.967.319.658	2.967.319.658
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.900.000	2.900.000	2.900.000
	3.737.619.586	3.737.619.586	3.737.619.586

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	209.207	209.207	209.207
Phải trả người bán ngắn hạn	2.643.775.838	2.643.775.838	2.643.775.838
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.880.658.000	1.880.658.000	1.880.658.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.666.700	5.666.700	5.666.700
	4.530.309.745	4.530.309.745	4.530.309.745

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty không có các số dư từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	50.999.028.605	9.541.713.817
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản cho vay	2.628.179.217	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	51.002.124.166	51.002.124.166	9.547.355.043	9.547.355.043
▪ Các khoản cho vay	2.628.179.217	(*)	-	-
▪ Các khoản phải thu	3.473.747.944	(*)	10.964.383	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	11.193.723	(*)	28.790	(*)
▪ Trả trước cho người bán	-	-	750.000	(*)
▪ Tạm ứng	600.000.000	(*)	224.000.000	(*)
▪ Ký quỹ, ký cược dài hạn	258.446.000	(*)	226.446.000	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	120.080.162	(*)	-	-
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – ngắn hạn	254.000.000.000	(*)	30.000.000.000	(*)



Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(45.401.928)	(*)	(209.207)	(*)
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	(721.998.000)	(*)	(2.643.775.838)	(*)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(2.967.319.658)	(*)	(1.880.658.000)	(*)
▪ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(2.900.000)	(*)	(5.666.700)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính này bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường của các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.



Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	3.095.561	5.641.226
Tiền gửi ngân hàng	3.999.028.605	4.041.713.817
Các khoản tương đương tiền (*)	47.000.000.000	5.500.000.000
	51.002.124.166	9.547.355.043

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm từ 2,4% đến 4,3% (01/01/2024: 2,6%).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2024	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Số lượng	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của nhà đầu tư Cổ phiếu	45.017.103	831.166.690.890

7. Các tài sản tài chính**(a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 03 tháng đến 12 tháng	254.000.000.000	30.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 5,0% đến 6,3% (01/01/2024: 5,0%).

(b) Các khoản cho vay

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	2.628.179.217	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất năm là 12,045%.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***8. Các khoản phải thu**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	3.473.747.944	10.964.383
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	11.193.723	28.790
	3.484.941.667	10.993.173

9. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí bản quyền phần mềm	375.727.163	-
Chi phí thuê tủ mạng	178.200.000	178.200.000
Chi phí kết nối đường truyền	558.822.010	102.155.012
Công cụ, dụng cụ	14.785.472	19.163.364
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	67.652.049	107.029.423
	1.195.186.694	406.547.799

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công cụ, dụng cụ	393.916.942	246.122.519
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	308.990.948	602.007.064
Chi phí kết nối đường truyền	191.666.658	291.666.666
Chi phí trả trước dài hạn khác	134.869.117	174.661.531
	1.029.443.665	1.314.457.780

10. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	19.933.503.700	284.350.000	20.217.853.700
Tăng trong năm	2.730.176.000	-	2.730.176.000
Số dư cuối năm	22.663.679.700	284.350.000	22.948.029.700
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.161.937.782	262.673.790	3.424.611.572
Khấu hao trong năm	2.696.079.355	11.137.500	2.707.216.855
Số dư cuối năm	5.858.017.137	273.811.290	6.131.828.427
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	16.771.565.918	21.676.210	16.793.242.128
Số dư cuối năm	16.805.662.563	10.538.710	16.816.201.273

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 1.190.937.000 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (01/01/2024: 432.575.000 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

11. Tài sản cố định vô hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Chương trình, phần mềm VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	12.919.312.000	30.000.000	12.949.312.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.916.247.729	1.032.258	2.917.279.987
Khấu hao trong năm	1.328.925.400	6.000.000	1.334.925.400
Số dư cuối năm	4.245.173.129	7.032.258	4.252.205.387
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	10.003.064.271	28.967.742	10.032.032.013
Số dư cuối năm	8.674.138.871	22.967.742	8.697.106.613

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 2.634.460.000 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (01/01/2024: 1.794.460.000 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***12. Ký quỹ, ký cược dài hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	226.446.000	226.446.000
Tiền đặt cọc cho các hợp đồng dịch vụ	32.000.000	-
	<u>258.446.000</u>	<u>226.446.000</u>

13. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động của tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tiền nộp thêm trong năm		
▪ Tiền nộp ban đầu	120.000.000	-
▪ Tiền nộp bổ sung	80.162	-
	<u>120.080.162</u>	<u>-</u>
Số dư cuối năm		
	<u>120.080.162</u>	<u>-</u>

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	450.000.000	2.625.000.000
Công ty trách nhiệm hữu hạn CLOUDTECH	271.998.000	-
Phải trả các đối tượng khác	-	18.775.838
	<u>721.998.000</u>	<u>2.643.775.838</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	28.190.868	(13.967.377)	14.223.491
Thuế thu nhập cá nhân	131.483.086	1.496.391.728	(1.198.068.452)	429.806.362
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	131.483.086	1.527.582.596	(1.215.035.829)	444.029.853

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí dịch vụ, phát triển phần mềm	1.138.779.000	1.840.158.000
Tiền thưởng cho nhân viên	1.714.998.065	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	113.542.593	40.500.000
	2.967.319.658	1.880.658.000

17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

(a) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	45.675.000	456.750.000.000	15.750.000	157.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.675.000	456.750.000.000	15.750.000	157.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.675.000	456.750.000.000	15.750.000	157.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Biến động của vốn cổ phần trong năm:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	157.500.000.000	157.500.000.000
Góp vốn bằng tiền mặt của		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	146.632.500.000	-
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hòa	50.872.500.000	-
- Ông Lê Hùng Cường	50.872.500.000	-
- Ông Lê Công Trường	50.872.500.000	-
Số dư cuối năm	456.750.000.000	157.500.000.000

(b) Cơ cấu cổ đông

	Tỷ lệ sở hữu %	31/12/2024 VND	Tỷ lệ sở hữu %	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	49,00%	223.807.500.000	49,00%	77.175.000.000
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hòa	17,00%	77.647.500.000	17,00%	26.775.000.000
Ông Lê Hùng Cường	17,00%	77.647.500.000	17,00%	26.775.000.000
Ông Lê Công Trường	17,00%	77.647.500.000	17,00%	26.775.000.000
	100%	456.750.000.000	100%	157.500.000.000

18. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính**(a) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	900.000.000	900.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(b) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	6.901.045	69.010.450.000	8.661	86.610.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	249.668	2.496.680.000	611	6.110.000
	7.150.713	71.507.130.000	9.272	92.720.000

(c) Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	6.026.053.878	88.027.960
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	6.026.053.878	88.027.960
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	7.317.589.690	9.925.750
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	1.000.000
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	-	1.000.000
	13.343.643.568	98.953.710

(d) Phải trả nhà đầu tư

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	6.026.053.878	88.027.960
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	6.026.053.878	88.027.960
	6.026.053.878	88.027.960

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***19. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	10.692.166.360	3.999.545.203

20. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	2024 VND	2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.494.422.136	791.667
Khấu hao tài sản cố định	3.945.917.392	223.922.670
Chi phí lương cho nhân viên	1.815.552.599	-
Phí quản lý thành viên và chi phí cho hoạt động môi giới	765.359.137	55.014.304
Chi phí khác	449.974.635	453.028
	24.471.225.899	280.181.669

21. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	76.021.561	7.641.576

22. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	9.346.777.405	4.880.444.099
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.858.487.479	8.378.723.827
Chi phí quảng cáo	1.893.092.940	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	96.224.863	2.788.412.683
Chi phí công cụ, dụng cụ	187.118.265	161.855.154
Chi phí thuê, phí và lệ phí	7.500.000	29.000.000
Chi phí vật tư văn phòng	9.225.822	5.593.546
Chi phí khác	576.027.161	288.460.115
	14.974.453.935	16.532.489.424

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2024 VND	2023 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(27.487.907.313)	(13.061.653.466)
Các khoản mục điều chỉnh		
Cộng chi phí không được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	2.130.502.840	3.012.352.909
Thu nhập chịu thuế	(25.357.404.473)	(10.049.300.557)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	43.418.338.370	8.683.667.674	33.859.855.690	6.771.971.137

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm các năm sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2027	Đã quyết toán	4.999.280.431
2028	Chưa quyết toán	13.061.653.466
2029	Chưa quyết toán	25.357.404.473
		43.418.338.370

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

Trong năm 2024, lỗ tính thuế có giá trị 15.798.921.793 VND đã hết hạn.

24. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lỗ sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân giá quyền trong năm chi tiết như sau:

(i) Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND
Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông	(27.487.907.313)	(13.061.653.466)

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2024 Cổ phiếu	2023 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	15.750.000	15.750.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	21.585.246	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm	37.335.246	15.750.000

(iii) Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(736)	(829)

25. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần dịch vụ Di động Trực tuyến		
Nhận góp vốn	146.632.500.000	-
Chi phí dịch vụ phát triển phần mềm	14.358.115.863	5.309.894.333
Chi phí dịch vụ hợp tác	401.358.433	-
Mua tài sản thanh lý	58.563.677	135.994.333
Các cá nhân liên quan		
Nguyễn Thị Mỹ Hòa		
Nhận góp vốn	77.647.500.000	26.775.000.000
Phí giao dịch mua bán chứng khoán	1.240.350	-
Phí lưu ký	24.348	-
Lê Hùng Cường		
Nhận góp vốn	26.775.000.000	26.775.000.000
Lê Công Trường		
Nhận góp vốn	26.775.000.000	26.775.000.000
Phí giao dịch mua bán chứng khoán	198.020	-
Phí lưu ký	13.205	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Ông Đỗ Quang Thuận	-	-
Ông Võ Trần Duy	-	-
Ông Đoàn Tử Tích Phước	-	-
Ông Nguyễn Tấn Huy	1.595.422.125	717.678.548
Bà Nguyễn Lê Thúy	1.189.327.873	823.636.538

26. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng 01 năm	913.332.200	996.362.400
Từ 01 đến 05 năm	-	996.362.400
	913.332.200	1.992.724.800

27. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2024 VND	2023 VND
Nguyên giá của tài sản cố định tăng do phát sinh khoản phải trả	-	750.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

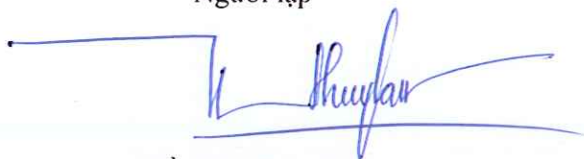
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

28. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập



Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt



Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc